

Số: /2022/NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội
áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số 786/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang.

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

a) Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Đối tượng áp dụng:

Đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan.

2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội: 360.000 đồng/tháng.

3. Mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh thực hiện theo mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 02/2021/TT-

BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Riêng đối với các nội dung dưới đây áp dụng mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Mức hỗ trợ chi phí mai táng áp dụng bằng với mức hỗ trợ tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 11; khoản 1, 2 Điều 14 và khoản 3 Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

b) Mức hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng áp dụng bằng với mức hỗ trợ tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

c) Mức hỗ trợ chi phí làm nhà ở, di dời nhà ở, sửa chữa nhà ở áp dụng mức bằng với mức hỗ trợ tối thiểu theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

d) Mức hỗ trợ đối với hộ gia đình, cá nhân chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng áp dụng bằng với mức hỗ trợ thấp nhất theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 20 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2022, có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12 năm 2022 và thay thế Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Các bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Vụ Pháp chế các bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh AG, Báo AG, Đài PT-TH AG, Website tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học;
- Cổng Thông tin điện tử VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND-P.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Nung

